

## SOME VIEWS ON SCHOLAR LE VAN HUU'S HISTORY WRITING THROUGH DISCUSSIONS IN *ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TOÀN THƯ*

**Tran Van Thuc<sup>a</sup>**

**Le Thi Thao<sup>b</sup>**

<sup>a</sup>Thanh Hoa Department of Education and Training

Email: tranvanthuc@dvttdt.edu.vn

<sup>b</sup>Thanh Hoa University of Culture, Sports and Tourism

Email: lethithao@dvttdt.edu.vn

Received: 21/4/2022

Reviewed: 15/5/2022

Revised: 16/5/2022

Accepted: 23/5/2022

Released: 30/5/2022

DOI:

*“Đại Việt sử ký toàn thư” is a huge collective work that marked a milestone for the development of national history. However, the original set of collective work has not been found and its content was mainly presented through the 30 discussions of Scholar Le Van HUU through “Đại Việt sử ký toàn thư”. Through this document, some researchers identified and analyzed Le Van HUU's perspective on history writing. Based on the analysis of documents, the paper added some aspects of scholar Le Van HUU's perspective on history writing.*

**Key words:** Historian Le Van HUU; Đại Việt sử ký toàn thư.

### 1. Giới thiệu

Lê Văn Hưu được sinh ra ở vùng đất Kẻ Ry, tức giáp Bối Lý, sau đổi thành xã Phủ Lý, huyện Đông Sơn, nay là thôn Phủ Lý Trung, xã Thiệu Trung, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa. *Đại Việt sử ký toàn thư* cho biết: Trong thời gian làm việc ở Quốc sử viện, Lê Văn Hưu đã biên soạn bộ *Đại Việt sử ký*. Công trình này được hoàn thiện vào năm 1272, ghi lại những sự việc quan trọng chủ yếu trong một thời gian lịch sử dài gần 15 thế kỷ, từ Triệu Vũ đế đến Lý Chiêu Hoàng (1224 - 1225), gồm 30 quyển. Sau khi hoàn tất ông được nhà vua xuống chiếu khen ngợi<sup>1</sup>. Hầu hết các sử gia từ trước tới nay đều công nhận *Đại Việt sử ký* của Lê Văn Hưu giữ vị trí là bộ quốc sử đầu tiên của nước ta.

Bộ *Đại Việt sử ký* nay không còn nhưng đã được sử gia Ngô Sĩ Liên sử dụng khi biên soạn bộ *Đại Việt sử ký toàn thư*. Trong *Tựa Đại Việt sử ký tục biên* ghi: “Nước ta có sử đã lâu.

<sup>1</sup> Viện Khoa học Xã hội Việt Nam (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, dịch theo bản khắc năm Chính Hòa thứ 18 (1697), tập 2, tr.38

Nước Việt ta, sử ký các đời do các tiền hiền Lê Văn Hưu, Phan Phu Tiên làm ra trước, Ngô Sĩ Liên, Vũ Quỳnh soạn tiếp sau<sup>1</sup>”.

*Lịch triều hiến chương loại chí*, phần *Văn tịch chí* cho thấy *Đại Việt sử ký* là bộ sử đầu tiên: “Ngày xưa các nước đều có sử, như sách *Xuân thu* của nước Lỗ, sách *Đào ngọc* của nước Sở, sách *Thặng* của nước Tần. Nước ta ở về phía nam Ngũ Lĩnh, trời đã ngăn ra Nam, Bắc, mà thủy tổ là con cháu Thần Nông, như thế là trời mở đầu sinh ra chân chúa. Vì thế nước ta có thể cùng với Bắc triều đều làm chủ một phương. Thế mà sử sách ghi chép không có, sự thực chỉ thấy ở truyền thuyết, văn thì huyền hoặc, việc thì thiếu sót, cho đến chữ viết lầm lẫn, biên chép rườm rà, chỉ tổ chực mắt, còn làm gương gì được! Đến triều Trần Thái Tông mới sai học sĩ Lê Văn Hưu soạn lại từ Triệu Vũ Đế trở xuống đến năm đầu Lý Chiêu Hoàng, bản triều Nhân Tông lại sai sử thần Phan Phu Tiên chép tiếp từ Trần Thái Tông trở xuống, đến khi quân Minh về nước đều lấy tên là *Đại Việt sử ký*. Từ đây công việc các đời mới được rõ ràng<sup>2</sup>”.

Bìa *Ngô Sĩ Liên di tích ký* niên đại Tự Đức thứ 14 (1861), dựng ở đền thờ Ngô Sĩ Liên ở thôn Ngọc Giả, xã Chúc Lý, huyện Chương Đức, nay thuộc xã Ngọc Hoà, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội cho biết: Ngô Sĩ Liên khi biên soạn bộ *Đại Việt sử ký toàn thư* đã hiệu chỉnh 2 bộ sử có trước do Lê Văn Hưu, Phan Phu Tiên vâng sắc soạn và thêm vào phần Ngoại Ký, gồm 15 quyển<sup>3</sup>.

Trần Trọng Kim trong *Việt Nam sử lược* đánh giá Lê Văn Hưu “là người làm sử nước Nam trước hết cả”<sup>4</sup>.

Sau khi quân Minh xâm chiếm Đại Ngu (tên nước thời nhà Hồ) đã đem cuốn *Đại Việt sử ký* sang Trung Quốc. Đến thời nhà Lê, sử gia Ngô Sĩ Liên căn cứ vào bộ *Đại Việt sử ký* cùng các cuốn sử khác để viết thành *Đại Việt sử ký toàn thư*, còn cuốn *Đại Việt sử ký* đến nay đã thất lạc.

Mặc dù không còn, người đời sau có thể thấy được bóng dáng của *Đại Việt sử ký* qua *Đại Việt sử ký toàn thư*. Đặc biệt, có 30 lời bàn những sự kiện, hiện tượng và nhân vật lịch sử ghi rõ là “Lê Văn Hưu viết”. Có thể phỏng đoán rằng, các sự kiện và nhân vật được bình là những điểm nhấn quan trọng trong mô tả lịch sử của Lê Văn Hưu. Qua lời bàn đó có thể thấy được một số quan điểm và thái độ viết sử của Lê Văn Hưu.

## **2. Tổng quan nghiên cứu vấn đề**

Lê Văn Hưu được biết đến với tư cách là người biên soạn bộ quốc sử đầu tiên của Việt Nam *Đại Việt sử ký*, vì vậy tác phẩm cùng những quan điểm, phương pháp viết sử của ông đã được nhiều công trình nghiên cứu đề cập đến. Đáng chú ý là bài viết của tác giả Nguyễn Duy Hình “Lê Văn Hưu với *Đại Việt sử ký toàn thư*” đăng trên Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử* số 4 năm 1984. Trong bài viết này, tác giả phân loại các lời bàn của Lê Văn Hưu trong *Đại Việt sử ký toàn thư* thành 3 loại: 1- Khen chê các nhà vua (13 lời bàn), 2- Bàn luận về một số thể chế

---

<sup>1</sup> *Đại Việt sử ký toàn thư*, Sdd, tr.146 - 147.

<sup>2</sup> Phan Huy Chú (2007), *Lịch triều hiến chương loại chí, tập II* (Tổ phiên dịch Viện Sử học dịch và chú giải), Nxb Giáo dục, tr.387.

<sup>3</sup> Trần Bá Chí (1997), “Bia sự tích Ngô Sĩ Liên”, Tạp chí *Hán Nôm*, số 4 (33).

<sup>4</sup> Trần Trọng Kim (2011), *Việt Nam sử lược*, Nxb Văn hóa, tr.120.

các triều vua (11 lời bàn), 3- Phản đối Phật giáo (5 lời bàn). Bên cạnh đó, tác giả đặc biệt chú ý đến các điềm lành được nhắc đến ở giai đoạn nhà Lý trở về trước<sup>1</sup>.

Năm 1993, tác giả Hà Văn Tấn trong chuyên luận “Hệ thống giá trị của Lê Văn Hưu và bối cảnh văn hóa - xã hội” đã nêu 4 hệ thống giá trị chính của Lê Văn Hưu, bao gồm: 1- Ảnh hưởng Nho giáo; 2- Tư tưởng chống Phật giáo; 3- Ý thức dân tộc; 4- Tư tưởng thân dân. Bài viết đồng thời phân tích bối cảnh văn hóa - xã hội định hình hệ tư tưởng của sử gia Lê Văn Hưu, trong đó không khí gấp gáp chống quân xâm lược Mông - Nguyên của quốc gia Đại Việt nửa cuối thế kỷ XIII được coi là có vai trò chi phối.

Năm 2009, tác giả Hoàng Anh Tuấn giới thiệu cách nhìn của Giáo sư sử học Yu Insun về “So sánh nhận thức của Lê Văn Hưu và Ngô Sĩ Liên về lịch sử Việt Nam” trên tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*, số 5 năm 2009. Về sử quan của Lê Văn Hưu, tác giả đề cập các nội dung cơ bản: 1- Tư tưởng về một Việt Nam ngang hàng với Trung Quốc; 2- Sự quan tâm đặc biệt đến mục tiêu bảo vệ nền độc lập dân tộc; 3- Tư tưởng coi trọng Nho giáo và phê phán Phật giáo. Quan điểm của Lê Văn Hưu tương đồng với Ngô Sĩ Liên ở việc lên án sự can thiệp của Trung Quốc vào Việt Nam và duy trì ý niệm “Việt Nam ngang hàng với Trung Quốc” và sự phê phán Phật giáo, tuy nhiên, sự phê phán của Lê Văn Hưu mang tính gián tiếp, còn của Ngô Sĩ Liên mang tính trực tiếp, công khai. Bên cạnh đó, sự khác biệt trong quan điểm của Lê Văn Hưu và Ngô Sĩ Liên được thể hiện trong 15 sự kiện mà 2 ông đều đề lại lời bình<sup>2</sup>.

Từ các công trình nghiên cứu trên cho thấy vấn đề quan điểm viết sử của Lê Văn Hưu luôn được các nhà sử học hiện nay quan tâm và hầu như chỉ dựa vào 30 lời bàn được *Đại Việt sử ký toàn thư* ghi là của Lê Văn Hưu. Tuy các khía cạnh tiếp cận khác nhau, nhưng hầu như các tác giả đều thống nhất về hệ giá trị và quan điểm viết sử của nhân vật được coi là “ông tổ” của nền sử học Việt Nam. Bài viết này trên cơ sở phân tích tư liệu đã bổ sung thêm một số khía cạnh trong quan điểm viết sử của ông.

### 3. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

Lê Văn Hưu là nhà sử học sống vào thời Trần, tác phẩm *Đại Việt sử ký* được hoàn thành cách ngày nay 750 năm, do vậy nghiên cứu về quan điểm viết sử của tác giả này chỉ có thể thực hiện dựa trên cơ sở tư liệu ít ỏi, chủ yếu là 30 lời bàn của ông còn ghi lại trong *Đại Việt sử ký toàn thư*. Do vậy, bài viết sử dụng chủ yếu cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu của khoa học lịch sử như phương pháp lịch sử, phương pháp phân tích, so sánh. Đặc biệt, bài viết phân tích, nhận định về quan điểm viết sử của Lê Văn Hưu trong bối cảnh cụ thể của xã hội Đại Việt thế kỷ XIII để nhận ra yếu tố chi phối, quyết định việc hình thành quan điểm đó.

### 4. Kết quả nghiên cứu

#### - *Tinh thần dân tộc*

Lê Văn Hưu đã thể hiện lòng tự hào dân tộc mạnh mẽ gắn với bối cảnh xã hội thời đại ông. Từ khi Lê Văn Hưu được sinh ra (năm 1230) đến khi ông hoàn thành bộ *Đại Việt sử ký*

<sup>1</sup> Nguyễn Duy Hinh (1984), “Lê Văn Hưu với *Đại Việt sử ký toàn thư*”, Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*, số 4/1984, tr.67 - 92.

<sup>2</sup> Hoàng Anh Tuấn (2009), “So sánh nhận thức của Lê Văn Hưu và Ngô Sĩ Liên về lịch sử Việt Nam” qua cách nhìn của Giáo sư sử học Yu Insun, Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*, số 5/2009, tr.67 - 73.

(năm 1272) là khoảng thời gian vua tôi nhà Trần đang nỗ lực củng cố vương quyền, chứng tỏ sự bình đẳng, nền độc lập của quốc gia Đại Việt với phong kiến phương Bắc. Trong thời gian này, sự kiện lịch sử nổi bật là việc quân Mông Cổ xâm lược nước ta và chiến thắng vang dội của vua tôi nhà Trần năm 1258. Tuy nhiên, cả nước luôn phải đề phòng nguy cơ xâm lược trước âm mưu bành trướng của nhà Nguyên. Do vậy, ý thức về sự tồn vong của dân tộc trở nên thường trực.

Cũng như mọi sử gia, sự tồn vong của dân tộc gắn liền với cơ nghiệp đế vương. Việc xưng đế và xây dựng cơ nghiệp đế vương là một biểu hiện quan trọng nhất của vị thế dân tộc. Ở lời bàn thứ nhất, ông khen Triệu Vũ Đế (Triệu Đà): “Triệu Vũ Đế khai thác đất Việt ta mà tự làm đế trong nước, đối ngang với nhà Hán, gửi thư xưng là “lão phu”, mở đầu cơ nghiệp đế vương cho nước Việt ta, công ấy có thể nói là to lắm vậy. Người làm vua nước Việt sau này nếu biết bắt chước Vũ Đế mà giữ vững bờ cõi, thiết lập việc quân quốc, giao thiệp với láng giềng phải đạo, giữ ngôi bằng nhân, thì gìn giữ bờ cõi được lâu dài, người phương Bắc không thể lại ngấp nghé được<sup>1</sup>”. Ở đây chúng ta tạm chưa bàn đến sự đúng sai trong quan điểm của Lê Văn Hưu khi ông coi Triệu Đà là triều đại khởi đầu lịch sử nước nhà. Điều đáng chú ý ở đây là ông đã chọn 1 vị vua đã xưng “đế” để ngang hàng với nhà Hán, mở đầu cơ nghiệp đế vương của nước ta. Sự bình đẳng, ngang hàng với triều đại phong kiến phương Bắc trở thành một tư tưởng xuyên suốt trong các lời bình của Lê Văn Hưu còn sót lại ở *Đại Việt sử ký toàn thư*.

Đối với thời thuộc Hán, từ năm 43 đến 186, Lê Văn Hưu than: “Xem sử đến thời nước Việt ta không có vua, bị bọn thứ sử người Bắc tham tàn làm khổ, Bắc Kinh đường xa, không biết kêu vào đâu, bất giác xen lẫn cảm thương hổ thẹn, muốn tỏ lòng thành như Minh Tông nhà Hậu Đường, thường thắp hương khẩn trời: xin trời vì nước Việt ta sớm sinh thánh nhân, tự làm đế nước nhà, để khỏi bị người phương Bắc cướp xét<sup>2</sup>”.

Việc xưng đế để có tư thế ngang hàng với Trung Quốc trở thành một biểu hiện quan trọng, đến nỗi trở thành tiêu chí để nhận định, đánh giá các bậc lãnh đạo đất nước. Chính vì vậy, mặc dù ca ngợi “Tiền Ngô Vương có thể lấy quân mới hợp của nước Việt ta mà đánh tan được trăm vạn quân Lưu Hoảng Tháo, mở nước xưng vương, làm cho người phương Bắc không dám lại sang nữa. Có thể nói là một lần nổi giận mà yên được dân, mưu giỏi mà đánh cũng giỏi vậy”, nhưng Lê Văn Hưu vẫn không quên nhắc “Tuy chỉ xưng vương, chưa lên ngôi đế, đổi niên hiệu, nhưng chính thống của nước Việt ta, ngõ hầu đã nối lại được<sup>3</sup>”. Nhưng đến việc Đinh Tiên Hoàng xưng đế ông lại ca ngợi hết mực, coi là “có lẽ ý trời vì nước Việt mà lại sinh bậc thánh triết để tiếp nối quốc thống của Triệu Vương chăng?<sup>4</sup>” Qua hai lời bình về 2 sự kiện, 2 nhân vật này, chúng ta thấy trong quan niệm của Lê Văn Hưu, Ngô Quyền mặc dù có công lao lớn, nhưng không hoàn tất sự nghiệp dựng nước cho người Việt. Còn Đinh Bộ Lĩnh như đã được giao thiên mệnh, tiếp tục truyền thống dựng nước từ Triệu Vũ Đế.

---

<sup>1</sup> *Đại Việt sử ký toàn thư*, Sđd, tr.93

<sup>2</sup> *Đại Việt sử ký toàn thư*, Sđd, tr.160

<sup>3</sup> *Đại Việt sử ký toàn thư*, Sđd, tr.204 - 205

<sup>4</sup> *Đại Việt sử ký toàn thư*, Sđd, tr.211

Sự nhún mình, khiêm nhường của những người đứng đầu được ông ca ngợi, coi đó là “đức”, là yếu tố quan trọng để nhằm đạt được vẹn nguyên bờ cõi. Ví như: “Sĩ Vương biết lấy khoan hậu khiêm tốn để kính trọng kẻ sĩ, được thần thân yêu mà đạt đến quý thịnh một thời. Lại hiếu nghĩa, thức thời, tuy tài và dũng không bằng Triệu Vũ Đế, nhưng chịu nhún mình thờ nước lớn, để giữ vẹn bờ cõi, có thể gọi là người trí<sup>1</sup>”.

Chính vì vậy, Lê Văn Hưu đã nghiêm khắc phê phán những người làm tổn hại đến nền độc lập, như Lữ Gia vào năm 111 TCN đã “giết vua để hả lòng oán, lại không biết cố chết giữ lấy nước, khiến cho nước Việt bị chia cắt, phải làm tôi nhà Hán<sup>2</sup>”. Có thể thấy, nền độc lập, tự chủ của đất nước là tiêu chí cao nhất, thiết tha nhất của Lê Văn Hưu, nên ông cảm phần mà chỉ trích “tội của Lữ Gia đáng chết không dung”.

Hoặc những nhà lãnh đạo quân chúng nổi dậy chống lại ách đô hộ của phong kiến phương Bắc, nhưng không đạt được tự chủ cho đất nước, như Lý Bí “có 5 vạn quân mà không giúp được nước”,... và coi Lý Bí “cũng là bậc tướng trung tài, ra trận chế ngự quân địch giành phần thắng không phải là không làm được, nhưng bị hai lần thu rồi chết, bởi không may gặp phải Trần Bá Tiên là kẻ giỏi dùng binh vậy<sup>3</sup>”.

Thêm vào đó, Lê Văn Hưu lấy lợi ích quốc gia, dân tộc để ca ngợi hay phê phán các nhân vật. Ông ca ngợi hết lời những vị lãnh đạo nhân dân nổi dậy chống lại ách đô hộ của phong kiến phương Bắc, đồng thời, ông cực lực chỉ trích những người chỉ biết cúi đầu bó tay làm tôi tớ cho người phương Bắc: “Trung Trắc, Trung Nhị là đàn bà, hô một tiếng mà các quận Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố cùng 65 thành ở Lĩnh Ngoại đều hưởng ứng, việc dựng nước xưng vương dễ như trở bàn tay, có thể thấy hình thế đất Việt ta đủ dựng được nghiệp bá vương. Tiếc rằng nối sau họ Triệu cho đến trước họ Ngô, trong khoảng hơn nghìn năm, bọn đàn ông chỉ cúi đầu bó tay, làm tôi tớ cho người phương Bắc, há chẳng xấu hổ với hai chị em họ Trưng là đàn bà hay sao? Ôi! Có thể gọi là tự vứt bỏ mình vậy<sup>4</sup>”.

Quan điểm viết sử đứng trên lập trường lợi ích quốc gia khiến Lê Văn Hưu nghiêm khắc phê phán mọi hành động của các vị vua chúa làm tổn hại đến sự bình yên, phát triển của đất nước. Như việc Ngô Xương Văn mời Ngô Xương Ngập cùng về coi việc nước, khiến từ đó xảy ra việc tranh quyền, làm cho nhà Ngô ngày càng suy yếu, dẫn đến loạn 12 sứ quân. Ông phê phán Lý Thái Tông thưởng phạt không có phép tắc trong việc xử lý giặc Nùng: “Năm trước, Nùng Tồn Phúc phản nghịch, tiếm hiệu, lập nước, đặt quan thuộc, Thái Tông đã trị tội Tồn Phúc mà tha cho con là Trí Cao. Nay Trí Cao lại noi theo việc trái phép của cha thì tội lớn lắm, giết đi là phải, nếu lấy lại tước và ấp phong, giáng là thứ dân thì cũng phải. Thái Tông đã tha tội, lại cho thêm mấy châu quận nữa, ban cho ấn tín, phong làm Thái bảo, như thế là thưởng phạt không có phép tắc gì. Đến khi Trí Cao gây tai họa ở Quảng Nguyên, lại đem quân đi đánh, mượn có là viện trợ láng giềng, có khác gì thả cạp beo cho cắn người, rồi từ từ

<sup>1</sup> Đại Việt sử ký toàn thư, Sđd, tr.164

<sup>2</sup> Đại Việt sử ký toàn thư, Sđd, tr.154

<sup>3</sup> Đại Việt sử ký toàn thư, Sđd, tr.182

<sup>4</sup> Đại Việt sử ký toàn thư, Sđd, tr.156 - 157

đến cứu không? Đó là vì Thái Tông say đắm cái lòng nhân nhỏ nhặt của nhà Phật mà quên mất cái nghĩa lớn của người làm vua<sup>1</sup>”

**- Tư tưởng thân dân**

Qua 30 lời bàn của Lê Văn Hưu còn lại trong *Đại Việt sử ký toàn thư* cho thấy ngòi bút viết sử của ông thể hiện lòng yêu dân, tư tưởng thân dân rõ nét. Người ta thường cho rằng ông là bậc đại Nho luôn bài xích Phật giáo. Cũng có người băn khoăn là ông sống ở thời đại Phật giáo thịnh hành, lại nữa ở quê hương ông người dân rất chuộng đạo Phật. Theo suy nghĩ của người viết, ông chỉ đứng trên lập trường Nho giáo để phê phán tệ sùng tín mê muội của tín đồ Phật giáo cũng như Đạo giáo, đứng về phía dân mà nhận định. Ông phê phán Lý Thái Tổ xây dựng chùa chiền làm dân khổ cực “Lý Thái Tổ lên ngôi mới được 2 năm, tông miếu chưa dựng, đàn xã tắc chưa lập mà trước đã dựng tám chùa ở phủ Thiên Đức, lại trùng tu chùa quán ở các lộ và độ cho làm tăng hơn nghìn người ở Kinh sư, thế thì tiêu phí của cải sức lực vào việc thổ mộc không biết chừng nào mà kể”. Lời lẽ của Lê Văn Hưu khi nhắc về việc này lộ rõ vẻ xót xa: “Của không phải là trời mưa xuống, sức không phải là thần làm thay, há chẳng phải là vết máu mỡ của dân ư? Vết máu mỡ của dân có thể gọi là làm việc phúc chăng? Bậc vua sáng nghiệp, tự mình cần kiệm, còn lo con cháu xa xỉ lười biếng, thế mà Thái Tổ để phép lại như thế, chả trách đời sau xây tháp cao ngất trời, dựng cột chùa đá, điện thờ Phật lộng lẫy hơn cung vua. Rồi người dưới bắt chước, có kẻ hủy thân thể, đổi lối mặc, bỏ sản nghiệp, trốn thân thích, dân chúng quá nửa làm sư sãi, trong nước chỗ nào cũng chùa chiền, nguồn gốc há chẳng phải từ đây?”<sup>2</sup> Như vậy, quan điểm Nho giáo chỉ là cái cớ, là công cụ để Lê Văn Hưu phê phán những hành động làm tổn hại đến dân.

Đối với sự kiện năm 1130, vua Lý Thần Tông xuống chiếu cho con gái các quan không được lấy chồng trước, đợi sau khi chọn sung vào hậu cung, người nào không trúng tuyển mới được lấy chồng, Lê Văn Hưu phê phán “thế là để cung phụng cho riêng mình, đâu phải là lòng làm cha mẹ của dân”, bởi “Trời sinh ra dân mà đặt vua để chăn dắt, không phải để cung phụng riêng cho vua. Lòng cha mẹ ai chẳng muốn con cái có gia thất, thánh nhân thể lòng ấy còn sợ kẻ sát phu sát phụ không được có nơi có chốn. Cho nên *Kinh thi* tả sự ấy trong thơ “Đào yêu” và thơ “Siêu hữu mai” để khen việc lấy chồng kịp thì và chê việc để lỡ thì vậy”<sup>3</sup>

Xét về khía cạnh khác, việc phê phán đạo Phật không phải là phê phán tinh thần cốt lõi của đạo Phật mà là phê phán sự mê muội ảnh hưởng đến việc cai trị, đến sự bình yên, hưng thịnh của đất nước.

Đối với sự kiện năm Mậu Thân, Thiên Thuận năm thứ 1 (1128), ngày Mậu Thìn, vua làm lễ tạ ơn Phật và Đạo đã giúp ngăn cho Thái phó Lý Công Bình đánh được người Chân Lạp, Lê Văn Hưu phê phán gay gắt: “Phàm việc trù tính ở trong màn trướng, quyết định chiến thắng ở ngoài nghìn dặm, đều là công của người tướng giỏi cầm quân làm nên thắng lợi. Thái phó Lý Công Bình phá được quân Chân Lạp cướp châu Nghệ An, sai người báo tin thắng trận. Thần Tông đáng lẽ phải cáo thắng trận ở Thái Miếu, xét công ở triều đường để thưởng

<sup>1</sup> *Đại Việt sử ký toàn thư*, Sđd, tr.264-265

<sup>2</sup> *Đại Việt sử ký toàn thư*, Sđd, tr.242

<sup>3</sup> *Đại Việt sử ký toàn thư*, Sđd, tr.303

cho bọn Công Bình về công đánh giặc. Nay lại quy công cho Phật và Đạo, đi các chùa quán để lấy tạ, như thế không phải là cách để ủy lao kẻ có công, cổ lệ chí khí của quân sĩ<sup>1</sup>”.

### **- Đề cao đức và lễ**

Lê Văn Hưu chịu ảnh hưởng của Nho giáo, ông phê phán Phật giáo và cho rằng cần phải lấy giáo lý của Nho giáo làm tiêu chuẩn đạo đức, Nho đạo chính là sử đạo. Trong hầu hết các trường hợp, lời bình luận phê phán của ông dựa theo tiêu chí của Nho giáo, rõ ràng nhất là những bài học về đức và lễ.

Đức là một phẩm chất quan trọng của người lãnh đạo đất nước. Ở lời bàn thứ nhất còn lưu lại trong *Đại Việt sử ký toàn thư*, ông nói: “Đại Thuần là người Đông Di nhưng là bậc vua giỏi trong Ngũ Đế; Văn Vương là người Tây Di mà là bậc vua hiền trong Tam Đại. Thế mới biết người giỏi trị nước không cứ đất rộng hay hẹp, người Hoa hay Di, chỉ xem ở đức mà thôi”<sup>2</sup>. Ông ca ngợi Sỷ Vương “biết lấy khoan hậu khiêm tốn để kính trọng kẻ sĩ”<sup>3</sup>, khen Ngô Xương Văn tha tội cho Dương Tam Kha là “nhân”, chịu nhậm Ngô Xương Ngập là “cung”<sup>4</sup>.

Khi so sánh Lý Thái Tổ Lê Đại Hành, ông đã lấy yếu tố Đức để lý giải cho sự nghiệp dựng nước của 2 vị: “Có người hỏi: Đại Hành với Lý Thái Tổ ai hơn? Thưa rằng: Kể về mặt trừ dẹp gian trong, đánh tan giặc ngoài, làm mạnh nước Việt ta, ra oai với người Tống thì Lý Thái Tổ không bằng Lê Đại Hành có công lao gian khổ hơn. Nhưng về mặt tỏ rõ ân uy, lòng người suy tôn, hưởng nước lâu dài, để phúc cho con cháu, thì Lê Đại Hành không bằng Lý Thái Tổ lo tính lâu dài hơn. Thế thì Lý Thái Tổ hơn ư? Đáp: Hơn thì không biết, chỉ thấy đức của họ Lý dày hơn họ Lê, vì thế nên noi theo họ Lý”<sup>5</sup>. Có thể thấy, trong quan điểm của Lê Văn Hưu, người lãnh đạo không những cần có tài mà còn cần có cả đức mới giữ được nước lâu dài.

Lê Văn Hưu đã thấy rõ, lễ là trật tự xã hội, xã hội sẽ rối loạn nếu không có lễ. Vua càng cần biết lễ và làm theo lễ. Vua không có lễ thì không trị được nước và sẽ là một tai họa cho quốc gia.

Có tới 10/30 lời bình sử của Lê Văn Hưu phê phán sự không biết lễ của các bậc quân vương. Đó là các trường hợp sau:

- Phê phán vua Đinh Tiên Hoàng lập 5 hoàng hậu, dẫn đến hai triều Lê, Lý cũng phản nhiều bất chước làm theo. Ông coi đây là “sự rối loạn thứ bậc”<sup>6</sup> dẫn đến những rối ren khác trong triều chính.

- Chê Lê Ngoạ Triều đặt thụy hiệu cho cha là Đại Hành Hoàng đế (đây là tên vua cha khi còn sống)<sup>7</sup>.

- Lý giải việc nhà Tiền Lê không tồn tại lâu dài vì Lê Hoàn đã không sớm chọn thái tử, khiến khi Lê Hoàn vừa băng hà đã xảy ra việc tranh giành ngôi vua giữa các hoàng tử, cuối

<sup>1</sup> *Đại Việt sử ký toàn thư*, Sđd, tr.300

<sup>2</sup> *Đại Việt sử ký toàn thư*, Sđd, tr.146

<sup>3</sup> *Đại Việt sử ký toàn thư*, Sđd, tr.164

<sup>4</sup> *Đại Việt sử ký toàn thư*, Sđd, tr.208

<sup>5</sup> *Đại Việt sử ký toàn thư*, Sđd, tr.221

<sup>6</sup> *Đại Việt sử ký toàn thư*, Sđd, tr.212

<sup>7</sup> *Đại Việt sử ký toàn thư*, Sđd, tr.232

cùng Lê Long Đĩnh lên ngôi. Mà theo Lê Văn Hưu thì “Ngọa Triều là con bất hiếu<sup>1</sup>” và việc làm đổ ngôi nhà Lê chính là do Lê Ngọa Triều: “Ngọa Triều giết anh, tự lập làm vua; bạo ngược với dân chúng để thỏa lòng hung ác, đến nỗi mất nước, mất ngôi, không phải là sự bất hạnh của nhà Lê, lỗi ở Đại Hành không sớm đặt Thái tử và do Trung Tông không biết phòng giữ từ khi mới chớm nên đến nỗi thế<sup>2</sup>”. Cũng như thế, Lê Văn Hưu phê phán triều Lý không sớm chọn thái tử, nên đến khi vua ốm nặng mới chọn một người trong các con cho vào để nối nghiệp lớn, khó tránh được nạn nội loạn.

- Phê phán Lý Công Uẩn đã xưng đế mà chỉ truy cho cha là Hiển Khánh Vương, trong khi Nhà Chu dấy nghiệp vương, truy phong là Thái Vương, Vương, Vương Quý, nhà Tống xưng đế truy phong là Hy Tổ, Dực Tổ, là theo nghĩa cha vì con mà được tôn quý. Lê Văn Hưu đánh giá: “lễ quan không biết cải chính, thế là tự ti vậy<sup>3</sup>”.

- Chê lăng các vua triều Lý chỉ gọi chung là Thọ Lăng là “vua không có học”<sup>4</sup>.

- Chê “Lý Thái Tông bảo các quan gọi mình là “triều đình”, sau Thánh Tông tự xưng là “Vạn thặng”, Cao Tông bảo người gọi mình là “Phật”, đều không theo phép ở đâu, mà là thích khoe khoang”<sup>5</sup>.

- Chê Lý Thái Tông “chịu nhận cho bày tôi dâng tám chữ “Kim Dũng Ngân Sinh, Nùng Bình Phiên Phục” làm hiệu thì trong việc khoe khoang lại thô bỉ nữa”<sup>6</sup>.

- Chê Lý Thần Tông để tang vua cha ngắn “chưa được một tháng mà đã bảo các quan bỏ áo trở, chưa đến lễ tốt khốc mà đã đón hai phi hậu vào cung, không hiểu bấy giờ lấy gì để làm khuôn mẫu cho thiên hạ và biểu đạt với các quan?”<sup>7</sup>.

- Chê Lý Thần Tông qui công đánh giặc cho Phật và đạo, đi các chùa quán lạy tạ mà không uly lạo tướng sĩ<sup>8</sup>.

- Chê Lý Thần Tông (con nuôi Lý Nhân Tông) phong cho cha để làm Thái thượng hoàng, mẹ để làm Hoàng thái hậu, như vậy là hai gốc. Theo ông “đáng lẽ phải coi Nhân Tông làm cha mà gọi cha sinh là Sùng Hiền hầu làm hoàng thúc, phong mẹ để là Đỗ thị làm Vương phu nhân, như Tống Hiếu Tông đối với Tú An Hy Vương và phu nhân Trương thị, để tỏ ra một gốc mới phải”<sup>9</sup>.

Nhiều lý do được Lê Văn Hưu dùng để lý giải việc một số vị vua không có lễ, như: bày tôi không can ngăn, không có bề tôi thấu hiểu Nho học bên cạnh, tuổi còn quá trẻ, học không đến nơi đến chốn, không có học... Hệ quả là làm cho kỷ cương phép nước rối loạn, thậm chí dẫn đến mất ngôi, mất nước, hoặc trở thành một tiền lệ xấu cho đời sau.

<sup>1</sup> *Đại Việt sử ký toàn thư*, Sđd, tr.231

<sup>2</sup> *Đại Việt sử ký toàn thư*, Sđd, tr.232

<sup>3</sup> *Đại Việt sử ký toàn thư*, Sđd, tr.239

<sup>4</sup> *Đại Việt sử ký toàn thư*, Sđd, tr.252

<sup>5</sup> *Đại Việt sử ký toàn thư*, Sđd, tr.256

<sup>6</sup> *Đại Việt sử ký toàn thư*, Sđd, tr.261

<sup>7</sup> *Đại Việt sử ký toàn thư*, Sđd, tr.297

<sup>8</sup> *Đại Việt sử ký toàn thư*, Sđd, tr.300

<sup>9</sup> *Đại Việt sử ký toàn thư*, Sđd, tr.301



## 5. Thảo luận

Tác phẩm *Đại Việt sử ký* của Lê Văn Hưu hiện nay không còn, mà bóng dáng chỉ có thể nhận biết được qua một số lời bàn ghi là "Lê Văn Hưu nói" trong *Đại Việt sử ký toàn thư*. Do vậy, việc phân tích quan điểm viết sử của Lê Văn Hưu khó có thể đảm bảo tính toàn diện và chính xác. Những nhận định trong bài viết dựa trên tư liệu hiện có. Trong tương lai, khi có thêm những sử liệu mới có thể bổ sung nhiều khía cạnh trong phân tích về quan điểm viết sử của tác giả này.

## 6. Kết luận

Sách *An Nam chí lược* của Lê Trắc có đoạn đánh giá về Lê Văn Hưu như sau: “vừa có tài, vừa có hạnh, làm thầy Chiêu Minh Vương, đổi làm Kiểm Pháp quan, sửa sách *Việt chí*<sup>1</sup>”. *Đại Việt sử ký* đã được công nhận là bộ quốc sử đầu tiên của Việt Nam. Đánh giá *Đại Việt sử ký*, Ngô Sĩ Liên trong bài tựa *Đại Việt sử ký toàn thư* vừa khen: “Văn Hưu là đại thủ bút đời Trần,... vâng chiếu biên soạn lịch sử nước ta, tìm thêm các sách vở còn sót loại, gom hợp thành sách để cho người xem đời sau không có gì phải tiếc nữa”, vừa chê: “ghi chép có chỗ chưa đủ, nghĩa lễ còn có chỗ chưa đáng, văn tự còn có chỗ chưa ổn, người đọc không khỏi có chỗ còn chưa vừa ý”. Tuy nhiên, qua bóng dáng thấp thoáng của *Đại Việt sử ký* trong *Đại Việt sử ký toàn thư*, nhất là qua 30 lời bàn sử còn lại, có thể thấy Lê Văn Hưu là nhà sử học rất tiến bộ. Những lời bình sử thấm đẫm tinh thần yêu nước thương dân, tinh thần đạo đức và ý thức dân tộc của ông mãi mãi vẫn còn nguyên giá trị. Ông xứng đáng là một trong những nhà sử học hàng đầu của nước ta.

## Tài liệu tham khảo

- [1]. Viện Khoa học Xã hội Việt Nam (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, dịch theo bản khắc năm Chính Hòa thứ 18 (1697), tập 2.
- [2]. Phan Huy Chú (2007), *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập 2 (Tổ phiên dịch Viện Sử học dịch và chú giải), Nxb Giáo dục.
- [3]. Trần Bá Chí (1997), “Bia sự tích Ngô Sĩ Liên”, Tạp chí *Hán Nôm*, số 4 (33).
- [4]. Trần Trọng Kim (2011), *Việt Nam sử lược*, Nxb Văn hóa.
- [5]. Nguyễn Duy Hinh (1984), “Lê Văn Hưu với *Đại Việt sử ký toàn thư*”, Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*, số 4/1984.
- [6]. Hoàng Anh Tuấn (2009), “So sánh nhận thức của Lê Văn Hưu và Ngô Sĩ Liên về lịch sử Việt Nam” qua cách nhìn của Giáo sư sử học Yu Insun, Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*, số 5/2009.
- [7]. Lê Tắc (2009), *An Nam chí lược*, Nxb Lao động - Trung tâm Văn hóa ngôn ngữ Đông Tây

<sup>1</sup> Lê Tắc (2009), *An Nam chí lược*, Nxb Lao động - Trung tâm Văn hóa ngôn ngữ Đông Tây, tr.257

## BÀN THÊM MỘT SỐ QUAN ĐIỂM VIẾT SỬ CỦA LÊ VĂN HƯU QUA NHỮNG LỜI BÀN TRONG *ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TOÀN THƯ*

Trần Văn Thức<sup>a</sup>

Lê Thị Thảo<sup>b</sup>

---

<sup>a</sup> Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa

Email: tranvanthuc@dvttdt.edu.vn

<sup>b</sup> Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

Email: lethithao@dvttdt.edu.vn

Ngày nhận bài: 21/4/2022

Ngày phản biện: 15/5/2022

Ngày tác giả sửa: 16/5/2022

Ngày duyệt đăng: 23/5/2022

Ngày phát hành: 30/5/2022

DOI:

*“Đại Việt sử ký” của Lê Văn Hưu được coi là bộ quốc sử đầu tiên của Việt Nam, sự ra đời của bộ sử đánh dấu mốc phát triển của nền sử học nước nhà. Tuy nhiên, hiện nay chưa tìm thấy nguyên bản của bộ sử, mà nội dung của bộ sử chủ yếu được thể hiện qua 30 lời bàn của Lê Văn Hưu trong “Đại Việt sử ký toàn thư”. Qua tư liệu ít ỏi này, một số nhà nghiên cứu đã cố gắng nhận diện, phân tích quan điểm viết sử của Lê Văn Hưu. Bài viết trên cơ sở phân tích tư liệu đã bổ sung thêm một số khía cạnh trong quan điểm viết sử của ông.*

**Từ khóa:** Nhà sử học Lê Văn Hưu; Đại Việt sử ký toàn thư.